

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ NHÀ NƯỚC

NGUYỄN MINH TUẤN (*)

Tập đoàn kinh tế (TĐKT) là một tổ hợp các doanh nghiệp có tư cách pháp nhân hoạt động trong một hay nhiều ngành khác nhau, có quan hệ về vốn, tài chính, công nghệ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu và các liên kết khác xuất phát từ lợi ích của các bên tham gia. Trong mô hình này, “công ty mẹ” nắm quyền lãnh đạo, chi phối hoạt động của “công ty con” về tài chính và chiến lược phát triển. Tập đoàn kinh tế là tổ chức kinh tế có kết cấu tổ chức nhiều cấp, liên kết nhau bằng quan hệ tài sản và quan hệ hợp tác nhằm đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp trong tập đoàn đều có pháp nhân độc lập.

Trong nền kinh tế thị trường, do yêu cầu về tích tụ và tập trung vốn ngày càng lớn vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh để nâng cao sức cạnh tranh, tất yếu dẫn đến việc hình thành các TĐKT hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực trong phạm vi rộng lớn mang tầm cỡ quốc gia và quốc tế.

Ở Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế thế giới, dưới áp lực cạnh tranh gay gắt từ bên trong lẫn bên ngoài, các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng vốn có tiềm lực nhỏ bé, trình độ kỹ thuật, công nghệ còn thấp, năng lực quản lý điều hành, khả năng chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước còn nhiều hạn chế. Do đó, vai trò chủ động của Nhà nước trong việc hình thành các TĐKT nhà nước là hết sức

cần thiết và hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của một nền kinh tế chuyển đổi có bối cảnh đặc thù như ở nước ta. Việc hình thành các TĐKT nhà nước ở Việt Nam là cần thiết, tuy nhiên cần phải làm sao để các TĐKT nhà nước thật sự là đầu tàu của nền kinh tế, bằng chính thực lực và sức cạnh tranh của mình để đủ sức cạnh tranh được với các TĐKT lớn của thế giới.

Tại Việt Nam, năm 1994, với việc ban hành Quyết định số 91 của Thủ tướng Chính phủ, đã mở đường cho việc hình thành các TĐKT nhà nước trên cơ sở nâng cấp một số tổng công ty nhà nước. Đến Nghị quyết Hội nghị TW lần 3 (Khoá IX) đã xác định rõ hơn: phải hình thành một số TĐKT mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, kinh doanh đa ngành, trong đó có ngành kinh doanh chính, mang tính chuyên môn hoá cao và giữ vai trò chi phối lớn trong nền kinh tế quốc dân, có quy mô lớn về vốn, hoạt động cả trong và ngoài nước, có trình độ công nghệ cao và trình độ quản lý hiện đại, có sự gắn kết trực tiếp, chặt chẽ giữa khoa học công nghệ, đào tạo, nghiên cứu triển khai với hoạt động sản xuất, kinh doanh. Có thể nói đây là những định hướng hết sức căn bản của việc hình thành các TĐKT nhà nước trên cơ sở tổ chức lại và nâng cấp các tổng công ty nhà nước. Thực hiện chủ trương và Nghị quyết của Đảng, từ năm 2005 đến nay, nhiều TĐKT nhà nước đã được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ như: Tập đoàn Bưu chính-Viễn thông, Tập đoàn Than-Khoáng sản, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Tài chính-Bảo hiểm Bảo Việt, Tập đoàn Đệt may,

Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy,... Theo đó, các TĐKT nhà nước có tư cách pháp nhân; về cơ cấu quản lý và điều hành, các Tập đoàn kinh tế có Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc; về cơ cấu tổ chức, các TĐKT có công ty mẹ và các công ty con.

Hiện tại ở Việt Nam trong khuôn khổ pháp lý kinh tế cho các TĐKT nói chung và khung pháp lý cho các TĐKT nhà nước nói riêng vẫn chưa hoàn thiện lại thiếu đồng bộ nên việc điều chỉnh các mối quan hệ phức tạp giữa các chủ thể trong TĐKT nhà nước còn rất nhiều vướng mắc, chưa rõ ràng. Tuy nhiên, cần khẳng định rằng việc Chính phủ ra các quyết định thành lập các TĐKT nhà nước trong thời gian qua là hết sức cần thiết nhằm thúc đẩy phát triển các TĐKT nhà nước thuộc các ngành và lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế. Tuy nhiên, cần phải có một khoảng thời gian nhất định để đánh giá về những kết quả đã đạt được lẫn những tồn tại, yếu kém trong hoạt động của các TĐKT nhà nước, nhằm rút ra những bài học kinh nghiệm và tìm ra được một hướng đi phù hợp cho các TĐKT thuộc sở hữu của Nhà nước.

Chức năng của TĐKT nhà nước là thúc đẩy kinh tế phát triển, là nguồn lực để nhà nước quản lý, điều tiết nền kinh tế, phòng ngừa sự phát triển thiên lệch và chống độc quyền; tiếp đến là nâng cao khả năng cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế, đồng thời góp phần thực hiện tốt những mục tiêu, chính sách xã hội, gìn giữ an ninh chính trị xã hội và tăng cường sức mạnh của an ninh, quốc phòng.

Từ khi ra đời đến nay, TĐKT nhà nước đang giữ vai trò then chốt trong nền kinh tế để Nhà nước định hướng và điều hành kinh tế vĩ mô, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội. Để TĐKT nhà nước giữ được vai trò then chốt trong phát triển kinh tế-xã hội, cần có sự đánh giá khách quan về những kết quả đạt được và những hạn chế yếu kém trong thời gian qua để từ đó có những giải pháp phát triển phù hợp, có hiệu quả.

Năm 2009, mặc dù nền kinh tế nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, nhưng nhiều TĐKT nhà nước tiếp tục đạt mức tăng trưởng khá. Số liệu từ 18 TĐKT nhà nước cho thấy, các chỉ tiêu quan trọng đạt được như: tổng vốn nhà nước đạt 492.579 tỷ đồng, tăng 28,7% so kế hoạch năm, tăng 9,7% so năm 2008; tổng doanh thu 1.164.469 tỷ đồng, tăng 42,4% kế hoạch năm; tổng nộp ngân sách 175.406 tỷ đồng, tăng 40,5% kế hoạch năm; tổng lợi nhuận trước thuế là 80.799 tỷ đồng, tăng 52,8% kế hoạch năm, tăng 5% so năm 2008.

(Xem Bảng 1: Các chỉ tiêu cơ bản của 18 TĐKT nhà nước năm 2009)

Cũng trong năm 2009, những TĐKT nhà nước có mức nộp ngân sách cao là Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Công nghiệp than-khoáng sản. Thu nhập bình quân người lao động trong các TĐKT nhà nước đạt 5,1 triệu đồng/tháng, tăng 9,9% so với năm 2008. Đánh giá chung cũng cho thấy, các TĐKT nhà nước đã có nhiều đóng góp thiết thực để Chính phủ bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, điều tiết sự phát triển kinh tế-xã hội theo

Bảng 1: Các chỉ tiêu cơ bản của 18 TĐKT nhà nước năm 2009

Các chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)	Mức tăng so với kế hoạch năm (%)
Tổng vốn nhà nước	492.579	28,7%
Tổng doanh thu	1.164.469	42,4%
Tổng nộp ngân sách	175.406	40,5%
Tổng lợi nhuận trước thuế	80.799	52,8%

Nguồn: Số liệu từ Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp

mục tiêu đề ra. Điềm lại những nét chính về tình hình kinh tế - xã hội năm 2009, mặc dù gặp nhiều khó khăn thách thức nhưng cộng đồng doanh nghiệp nói chung và TĐKT nhà nước nói riêng đã góp phần quan trọng giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đạt mức tăng trưởng kinh tế 5,32%, trong đó không có đơn vị nào trong các TĐKT nhà nước bị phá sản, các TĐKT nhà nước cũng đã làm tốt công tác sinh xã hội, đảm bảo việc làm cho người lao động, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, đồng thời góp phần cùng với cả nước thực hiện tốt chính sách xóa đói, giảm nghèo... Sự phát triển của các TĐKT nhà nước cũng đã giúp cho đội ngũ lãnh đạo các TĐKT nhà nước có bước trưởng thành về kinh nghiệm trong điều hành, quản trị vững vàng và tự tin trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong giai đoạn 2008 - 2010, theo số liệu của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP lên tới 41,5% năm 2008, 42,7% năm 2009 và 41,9% năm 2010, nói một cách cụ thể khoảng 42 tỉ USD đầu tư mỗi năm kể từ năm 2008, khi GDP nền kinh tế vượt ngưỡng 100 tỉ USD. Trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội, vốn đầu tư của nhà nước chiếm tới 33,9% năm 2008, 40,6% năm 2009 và 38,1% năm 2010. Nghĩa là, hằng năm vốn đầu tư của Nhà nước vào khoảng gần 40% của 42 tỉ USD, tức vào khoảng 18,9 tỉ USD. Như vậy, chỉ riêng vốn đầu tư của 18 TĐKT nhà nước đã gần bằng với đầu tư của Nhà nước (bao gồm cả ngân sách, trái phiếu chính phủ và doanh nghiệp nhà nước) hằng năm.

(Xem Bảng 2: Tỷ lệ tổng vốn đầu tư của xã hội và vốn đầu tư của nhà nước cho các TĐKT nhà

nước giai đoạn 2008-2010)

Ngoài ra, theo nguồn của Bộ KH&ĐT, nếu tính đủ đầu tư của khoảng 80 tổng công ty nhà nước khác (hiện có khoảng 100 tập đoàn, tổng công ty nhà nước) con số đầu tư của khu vực kinh tế này có thể lên đến 30-40 tỉ USD hàng năm.

Trong 6 tháng đầu năm 2011 dù tình hình thế giới vẫn diễn biến không thuận lợi, khủng hoảng nợ công châu Âu, động đất và sóng thần ở Nhật, gánh nặng nợ công ngày càng lớn ở Mỹ làm cho tốc độ tăng trưởng chung của thế giới thấp hơn dự báo. Trong nước lãi suất vay vốn lên tới trên 20%, lạm phát cao ảnh hưởng tới đời sống người lao động, tạo ra sức ép đối với các TĐKT nhà nước trong việc điều chỉnh nhanh thu nhập cho người lao động ngoài kế hoạch dự báo. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2011, theo thống kê, 22 TĐKT nhà nước đã thực hiện được gần 57% kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, giữ vững tốc độ tăng trưởng cao và có lãi.

(Xem Bảng 3: Các chỉ tiêu cơ bản của 22 TĐKT nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2011)

Ngay từ đầu năm, các TĐKT nhà nước đã quyết liệt thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ, cùng Chính phủ lập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô với các giải pháp cơ bản là tiết kiệm, cắt giảm những chi phí không cấp bách, nâng cao năng suất, chuyển dịch cơ cấu mặt hàng theo hướng giá trị gia tăng cao, rà soát đình hoãn các dự án đầu tư chưa cấp bách, tập trung phát huy nội lực, nâng cao năng lực cạnh tranh. Trực tiếp như Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam) là đơn vị dẫn đầu trong khối các TĐKT nhà nước trong việc chủ động tham gia bình ổn thị trường và giá các sản phẩm để góp

Bảng 2: Tỷ lệ tổng vốn đầu tư của xã hội và vốn đầu tư của nhà nước cho các TĐKT nhà nước giai đoạn 2008-2010

Tỷ lệ Tổng vốn đầu tư của xã hội			Tỷ lệ vốn đầu tư của nhà nước trong tổng vốn đầu tư của xã hội cho 22 tập đoàn		
Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
41,5%	42,7%	41,9%	33,9%	40,6%	38,1%

Nguồn: Viện nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương

**Bảng 3: Các chỉ tiêu cơ bản của 22 TĐKT nhà nước
trong 6 tháng đầu năm 2011**

Các chỉ tiêu cơ bản	Giá trị (tỷ đồng)
Tổng doanh thu	650.191
Tổng lợi nhuận	44.553
Nộp ngân sách	94.752

Nguồn: Bộ Kế hoạch-Đầu tư

phần cùng Chính phủ ngăn chặn lạm phát, đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” với 3 giải pháp đột phá về quản lý phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ. Trong 6 tháng đầu năm 2011 Petrovietnam đã đạt doanh thu trên 340 ngàn tỷ đồng, lợi nhuận 49,9 ngàn tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 75 ngàn tỷ đồng. Tập đoàn dệt may Việt Nam (Vinatex), trong 6 tháng đầu năm 2011 vượt qua nhiều khó khăn và đã đạt được những kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu tăng 30%, lợi nhuận tăng 58%, kim ngạch xuất khẩu tăng 29% so với cùng kỳ. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, Vinatex cũng đặc biệt chú trọng đến công tác an sinh xã hội như hỗ trợ 2 tỷ đồng xây dựng trạm y tế xã An Lập tại huyện nghèo Sơn Động, quyên góp giúp nhân dân Nhật Bản bị ảnh hưởng của động đất sóng thần trên 3 tỷ đồng, cung cấp 15 tấn sản phẩm may mặc cho nhân dân Nhật bản... Tổng số tiền chi cho các hoạt động này của Vinatex gần 10 tỷ đồng

Qua kết quả đạt được của giai đoạn 2008-2010 và 6 tháng đầu năm 2011, có thể đánh giá một cách tổng quát hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các TĐKT nhà nước theo các chỉ tiêu cơ bản như: bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, quy mô doanh thu, lợi nhuận, đóng góp ngân sách, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỷ trọng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu thì có thể thấy đa số các TĐKT nhà nước hoạt động có hiệu quả, kinh doanh có lãi. Những kết quả đạt được trong thời gian qua thể hiện trên nhiều mặt như tăng vốn, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách, ổn định việc làm cho người lao động, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn

của nền kinh tế, đóng góp quan trọng vào thành tựu kinh tế - xã hội chung của đất nước. Cùng với TĐKT nhà nước, khối doanh nghiệp nhà nước nói chung đã đóng góp 42% GDP của cả nước, đã tập trung đầu tư vào lĩnh vực sản xuất chính và phụ trợ, khắc phục đầu tư dàn trải, ưu tiên tập trung vốn cho các dự án trọng điểm, các dự án cấp thiết. Đồng thời, đã phấn đấu giảm giá thành sản phẩm, tham gia bình ổn thị trường, đảm bảo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động và tham gia tích cực công tác xã hội...

Ngoài những kết quả đạt được như đã nêu trên, nhiều TĐKT nhà nước vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế, yếu kém cần phải khắc phục như:

- Nhiều TĐKT nhà nước đã đầu tư quá lớn vào các ngành nghề tay trái, không phải là thế mạnh của mình, đặc biệt là đầu tư vào những lĩnh vực “hot” nhưng chứa đựng nhiều rủi ro như chứng khoán, ngân hàng, bất động sản, việc đầu tư vào các lĩnh vực không đúng ngành nghề chuyên môn này đã dẫn đến tình trạng lấn sân đối với các doanh nghiệp hoạt động đúng chuyên ngành và tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn.

- Môi trường pháp lý kinh doanh cho các TĐKT chưa rõ ràng, chưa minh bạch, còn chứa đựng nhiều rủi ro. Các TĐKT nhà nước thuộc sở hữu Nhà nước, là tài sản của nhân dân, Nhà nước thay mặt dân là chủ sở hữu, vì vậy Nhà nước phải là người có tiếng nói quyết định, phải quản lý có hiệu quả nhất khối tài sản rất lớn này. TĐKT nhà nước chỉ thật sự đúng khi có 100% vốn nhà nước, tạm đúng khi có trên 50% vốn nhà nước, nhưng một số TĐKT nhà nước lại ôm cả những công ty “cháu” chỉ có chừng một nửa của tỷ lệ

51% vốn nhà nước, thậm chí còn ôm cả những doanh nghiệp chỉ có một chút “dây mơ rễ má” với nhà nước thì quả là điều gay go. Vấn đề hạn chế ở chỗ, sau khi những doanh nghiệp nhà nước này được cổ phần hóa xong, phần lớn sẽ quay ngược trở lại dưới trướng TĐKT nhà nước, như vậy quyền tự chủ của doanh nghiệp sẽ khó được thực hiện, đồng thời các cổ đông cũng sẽ không có tiếng nói quyết định đối với các doanh nghiệp sau khi được cổ phần hóa.

- Bản chất của các TĐKT nhà nước vẫn chủ yếu là kinh doanh, đảm bảo bù đắp chi phí và có lợi nhuận, nhưng dường như kinh doanh của các TĐKT nhà nước trong thời gian qua là để phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước, ổn định kinh tế vĩ mô chứ không phải là phục vụ sản xuất, kinh doanh. Lợi ích thật sự của các thành viên, yếu tố quyết định tham gia TĐKT nhà nước vẫn quá mờ nhạt. Do nhà nước là chủ sở hữu, nên nhà nước muốn cho TĐKT nhà nước làm gì cũng được. Tuy nhiên, suy cho cùng thì tiền đó lại đều là tiền của dân. Các pháp nhân to nhỏ là công ty Nhà nước thì đã có hàng chục nghị định điều chỉnh. Còn TĐKT nhà nước là của chung, đều cần hướng tới một mục tiêu là kinh doanh có hiệu quả, nộp nhiều thuế, mang lại lợi ích cho xã hội, cho nhân dân. Công ty mẹ trong TĐKT nhà nước không những giữ vững yếu tố nhà nước, mà còn được đẩy lên giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo, chi phối hoặc ảnh hưởng đối với các doanh nghiệp thành viên khác trong TĐKT nhà nước và với các liên kết trong tập đoàn. Với mong muốn hình thành những “quả bom thép” của nền kinh tế, như vậy liệu các TĐKT nhà nước có trở lại là nhà nước hoá doanh nghiệp hay không?

- Công ty mẹ trong các TĐKT nhà nước, có trọng trách to lớn nhưng không đủ thực lực để thực thi, vì vậy hoặc là phải áp đặt mệnh lệnh hành chính, hoặc đành bất lực, nếu công ty mẹ chỉ sở hữu một số vốn không đủ tỷ lệ quyết định cuộc chơi theo điều lệ công ty con và theo Luật Doanh nghiệp. Quan hệ giữa công ty mẹ với các thành viên (vòng trong hay vòng ngoài) của TĐKT nhà nước thật sự không rõ ràng, ngoài dựa trên “đối vốn” còn nặng về “đối nhân” như các tổng công ty cũ. Ví dụ, công ty mẹ đóng vai trò định hướng, điều hoà, phối hợp, nhưng lại dường như được giao quyền chủ trì, “làm đầu

mối”. Còn một số quy định thoát nhàn thì tưởng là hay, nhưng hoá ra thuộc loại vô thưởng vô phạt, chẳng hạn như: công ty mẹ có quyền xem xét bảo lãnh một số khoản vay, hỗ trợ hoạt động tài chính cho các doanh nghiệp thành viên khác trong tập đoàn khi được các doanh nghiệp này đề nghị.

- Với vị trí là “xương sống” của nền kinh tế, nên các TĐKT nhà nước, được ưu ái nhiều nguồn lực đầu tư về: vốn, đất đai, công nghệ... Đầu tư lớn là vậy, nhưng hiệu quả mà các TĐKT nhà nước mang lại chưa tương xứng với tổng nguồn lực đầu tư, cũng chưa ngang tầm với vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Nguyên nhân của tình trạng này là bởi các TĐKT nhà nước đang được “nuông chiều” thái quá, trong khi không phải chịu nhiều áp lực cạnh tranh như các doanh nghiệp khác. Hệ quả là nhà nước phải bỏ ra nhiều nguồn lực đầu tư lớn, nhưng hiệu quả mang lại chưa như mong muốn. Các khu vực kinh tế khác ít có điều kiện tiếp cận với các nguồn lực này như là vốn, đất đai do được dành để phân bổ quá nhiều cho các TĐKT nhà nước. Sự “chiều chuộng” thái quá các TĐKT nhà nước còn tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh, khiến các doanh nghiệp vừa và nhỏ (chủ yếu ở khu vực tư nhân) bị hạn chế cơ hội phát triển.

- Các TĐKT nhà nước có tăng trưởng, nhưng mức tăng trưởng chưa cao so với nguồn lực đầu tư của nhà nước, năng suất lao động tăng chậm, chưa tận dụng được lợi thế của doanh nghiệp có quy mô lớn, công tác nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, sản phẩm chưa được đẩy mạnh. Đầu tư còn dàn trải, chưa tương ứng với khả năng huy động vốn. Một số công trình đầu tư còn kéo dài, hiệu quả thấp đã làm cho năng suất lao động thấp, chi phí sản xuất tính cho một đơn vị sản phẩm chưa cắt giảm, nên giá thành sản phẩm cao, chất lượng sản phẩm chưa thật ổn định, khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới thấp. Một số dự án triển khai còn chậm như điện, phát triển cao su tại Tây Nguyên, một số dự án đóng tàu, xây dựng các nhà máy đóng tàu của Vinashin, các dự án của TCT thép... Tăng trưởng kinh doanh của các TĐKT nhà nước trong năm 2008, năm 2009 đạt thấp hơn mức tăng trưởng chung của cả nền kinh tế. Cụ thể hơn, đối chiếu các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách... các TĐKT nhà nước

có kết quả “hạn chế” hơn các Tổng công ty 90. Các TĐKT nhà nước chưa thực hiện tốt việc ổn định kinh tế vĩ mô, cũng như góp phần thực hiện tốt mục tiêu và chính sách xã hội, vẫn còn một số TĐKT dễ xảy ra tình trạng tiêu cực, vi phạm pháp luật tiêu biểu như Vinashin.

- Năng lực quản trị, điều hành của những người đứng đầu các TĐKT nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, cách quản trị, điều hành vẫn còn chịu ảnh hưởng của cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, còn trông chờ nhiều vào sự hỗ trợ của nhà nước. Chế độ tiền lương, đãi ngộ, cơ hội thăng tiến... cho đội ngũ lao động chưa hợp lý, từ đó đã không thu hút được những lao động giỏi có tay nghề cao vào làm việc cho các TĐKT nhà nước.

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động các TĐKT nhà nước

- Khi thành lập các TĐKT nhà nước không nên chủ quan, nóng vội mà cần lựa chọn các tổng công ty lớn đủ điều kiện, tiên chuẩn, đảm bảo đủ mạnh để định hướng phát triển cho nền kinh tế, giúp nhà nước điều tiết và ổn định nền kinh tế, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững. Thúc đẩy hình thành các TĐKT nhà nước theo hướng đa sở hữu, công ty mẹ - con, trong đó vốn sở hữu của nhà nước chiếm từ 50% trở lên. Một số tổng công ty 100% vốn nhà nước có lĩnh vực hoạt động tương đồng với các TĐKT thì có thể sáp nhập, tuy nhiên đây không phải chỉ là sự lắp ghép cơ học, mà phải đảm bảo sau khi sáp nhập phải có sự thống nhất để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế.

- Tạo môi trường thuận lợi cho các TĐKT nhà nước phát triển trong đó bao gồm: Môi trường chính trị ổn định là nền tảng để kinh tế phát triển. Ngoài môi trường chính trị cần đảm bảo môi trường pháp lý rõ ràng, minh bạch trong đó bao gồm hệ thống pháp lý và các văn bản pháp quy, trong đó đặc biệt quan trọng là các luật về kinh doanh, luật cạnh tranh và các quy chế khung về tổ chức và hoạt động của các loại hình tổ chức kinh doanh. Hệ thống pháp luật có liên quan đến TĐKT nhà nước phải có tác dụng tạo điều kiện cần thiết, khuyến khích TĐKT nhà nước phát triển, đồng thời ngăn ngừa, hạn chế và xử lý các mặt tiêu cực phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ngoài môi trường chính trị và pháp lý, cần phải đảm bảo môi trường

kinh tế ổn định bao gồm sự phát triển của thị trường trong và ngoài nước, thiết lập và mở rộng các mối quan hệ kinh tế trên thị trường, môi trường cạnh tranh lành mạnh và bình đẳng, tạo được sự liên kết chặt chẽ và hỗ trợ nhau giữa các chủ thể kinh tế, đa dạng hóa các hình thức sở hữu tạo sự gắn bó chặt chẽ giữa chủ sở hữu với lợi ích, thúc đẩy sự phát triển các mối quan hệ phân công lao động và hợp tác. Nền kinh tế thị trường phát triển ngày càng cao, thì ổn định kinh tế là cơ sở để các TĐKT nhà nước hoạt động và phát huy tác dụng, từng bước tăng tích lũy vốn để tiến tới hình thành những TĐKT nhà nước thật sự mạnh, là những đầu tàu của nền kinh tế.

- Theo Luật Doanh nghiệp “TĐKT là nhóm công ty có quy mô lớn. Chính phủ quy định, hướng dẫn tiêu chí, tổ chức quản lý và hoạt động của TĐKT”. Tuy nhiên, cho đến nay, Chính phủ vẫn chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, tổ chức quản lý và hoạt động của TĐKT. Vì vậy, để tạo điều kiện cho các TĐKT nhà nước ra đời và phát triển, Chính phủ cần gấp rút hoàn thiện các quy định về tổ chức và hoạt động của TĐKT nhà nước. Như đã nói ở trên, các mối quan hệ sở hữu cũng như hoạt động kinh doanh của các TĐKT nói chung là rất đa dạng và phức tạp. Vì vậy, khi xây dựng các quy định này, chúng ta cần nghiên cứu, học tập kinh nghiệm quốc tế và vận dụng một cách phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam. Chính phủ cần xây dựng chiến lược tổng thể về phát triển các TĐKT nói chung và TĐKT nhà nước nói riêng nhằm định hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho các TĐKT thuộc mọi thành phần kinh tế hình thành và phát triển.

- Các TĐKT nhà nước phải xây dựng Chiến lược phát triển dài hạn của mình (có thể đến năm 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050) và trình Chính phủ xem xét, phê duyệt. Chiến lược phát triển của TĐKT nhà nước phải được xây dựng trên cơ sở Chiến lược phát triển KT - XII của cả nước, các vùng, địa phương liên quan cũng như Chiến lược và Quy hoạch phát triển của các ngành liên quan. TĐKT nhà nước phải nghiêm chỉnh thực hiện Chiến lược phát triển đã được phê duyệt, Chiến lược phát triển của các TĐKT nhà nước phải vừa là con đường đi rộng mở, vừa là hành lang pháp lý cho chiến lược đầu tư

phát triển của tập đoàn. Chỉ khi nào có những biến động lớn, thì Chính phủ sẽ yêu cầu điều chỉnh hoặc ngược lại, tập đoàn đề nghị Chính phủ điều chỉnh Chiến lược cho phù hợp. Đây chính là cẩm nang đảm bảo tăng cường sự tự chủ, năng động, tự chịu trách nhiệm của các tập đoàn, triệt để xóa bỏ cơ chế xin cho, đồng thời là cái “vòng kim cô” để Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan quản lý các tập đoàn theo định hướng, mục tiêu đã đề ra, tránh các hiện tượng đầu tư ra ngoài ngành như thời gian vừa qua.

- Các TĐKT nhà nước phải tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu của nền kinh tế, góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Bên cạnh đó, cần góp phần kiềm chế lạm phát, phải công khai, minh bạch, tránh tình trạng đầu cơ, độc quyền. Để thực hiện được điều này các TĐKT nhà nước cần được tự chủ hoàn toàn trong việc quyết định chiến lược sản xuất kinh doanh, tức là được toàn quyền chủ động trong việc xác định các mục tiêu, định hướng và các giải pháp thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Vì vậy, Nhà nước cần tôn trọng quyền tự chủ của các TĐKT nhà nước và tránh can thiệp quá mức cần thiết vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các TĐKT nhà nước. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần có các chính sách linh hoạt và phù hợp với từng thời kỳ nhằm tạo điều kiện cho các TĐKT tư nhân được hình thành và hoạt động trong một sân chơi bình đẳng. Hơn nữa, Nhà nước cần có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư đan xen với nhau nhằm phát huy thế mạnh về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, đồng thời chia sẻ rủi ro và tăng cường khả năng cạnh tranh của các TĐKT trong nước với các TĐKT nước ngoài trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

- Chính phủ sẽ nghiên cứu để sớm tách chức năng thực hiện các quyền của chủ sở hữu với chức năng quản lý, hành chính nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước đối với các TĐKT nhà nước, tách bạch rõ ràng việc thực hiện quyền chủ sở hữu với quyền chủ động kinh doanh của TĐKT nhà nước. Hoàn thiện cơ chế phân cấp việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo nguyên tắc có một đầu mối chịu trách nhiệm chính, thực hiện nhiệm

vụ theo dõi, tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước và phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các TĐKT nhà nước. Chính phủ cũng có thể thực hiện việc bảo lãnh tín dụng để các TĐKT nhà nước có thể tự tìm kiếm nguồn vốn trên thị trường quốc tế.

- Rà soát lại các chế độ, chính sách, quy định hiện hành đối với các TĐKT nhà nước nói riêng và các TĐKT nói chung trong bối cảnh đẩy mạnh CNH, HĐH và phát triển kinh tế thị trường gắn với hội nhập và toàn cầu hóa kinh tế, để làm rõ những bất cập ảnh hưởng xấu hoặc gây cản trở cho hoạt động của các TĐKT nhà nước trên cơ sở đó, bổ sung, thay thế, chỉnh sửa cơ các chế, chính sách cho phù hợp, nhằm khuyến khích các TĐKT nhà nước hướng tới các mục tiêu KT - XII quan trọng của đất nước trong từng giai đoạn.

- Việc hình thành các TĐKT nhà nước là nhằm tối ưu hoá việc sử dụng các nguồn lực và lợi thế của doanh nghiệp trên cơ sở tận dụng sức mạnh liên kết giữa chúng chứ không phải là nhằm tạo ra một vỏ bọc hào nhoáng, “hoành tráng”. Việc quản trị một TĐKT nhà nước với quy mô lớn với nhiều mối quan hệ chằng chịt, đan xen là một trong những thách thức đặt ra với các nhà quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, bản thân các nhà quản trị doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị chu đáo về cả mặt kiến thức lẫn bản lĩnh kinh doanh để có thể đảm đương được vai trò của mình trong cuộc bứt phá mới. Vì vậy, cần xây dựng các chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị, điều hành cho các TĐKT nhà nước. Có thể nói rằng cho đến nay, đào tạo về quản trị điều hành doanh nghiệp nói chung và quản trị TĐKT nhà nước nói riêng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Các chương trình đào tạo của chúng ta vẫn còn mang nặng tính lý thuyết và xem nhẹ phần thực tiễn. Vì vậy, giải pháp trước mắt là cần thiết lập các chương trình liên kết với nước ngoài trong việc đào tạo đội ngũ nhân sự quản trị, điều hành TĐKT trong đó, cần coi trọng cả mặt lý thuyết lẫn thực hành nhằm đáp ứng nhu cầu “đi tắt, đón đầu” trong việc đáp ứng nguồn nhân lực cho các TĐKT nhà nước đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai. Nguồn nhân lực cho các TĐKT nhà nước có quy mô lớn và độ phức tạp cao trong tổ chức quản lý, điều hành nên đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ quản lý,

điều hành thực sự có năng lực, trình độ cao, phong cách lãnh đạo và phẩm chất đạo đức tốt, để quản lý, điều hành bộ máy của tập đoàn hoạt động có hiệu quả. Nhà nước không thể trao một lượng vốn lớn hàng ngàn tỷ đồng vào tay nhà quản lý, kinh doanh chưa đủ tâm, chưa đủ tài và kinh nghiệm để tổ chức quản lý, điều hành TĐKT.

- Các TĐKT nhà nước cần có chiến lược kinh doanh riêng biệt, trong đó xác định rõ mục tiêu, định hướng, lộ trình và các giải pháp phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với đặc thù của ngành nghề hoạt động trong từng giai đoạn, tập trung đầu tư vào lĩnh vực trọng yếu, tránh tình trạng đầu tư dàn trải. Bên cạnh sự quan tâm thỏa đáng của Nhà nước, bản thân các TĐKT nhà nước cần nhận thức đúng đắn về bản chất về tổ chức và hoạt động của TĐKT, đồng thời có sự chuẩn bị chu đáo về mọi mặt thì mới hy vọng xây dựng được những TĐKT nhà nước lâm cỡ, đủ khả năng cạnh tranh sòng phẳng với các TĐKT trong khu vực và trên thế giới. Một số TĐKT nhà nước có tiềm lực về vốn, kinh nghiệm quản lý và công nghệ có thể đa dạng hoá hoạt động kinh doanh, trong đó ngành kinh doanh chính vẫn phải giữ vai trò chủ đạo. Nhà nước nên tập trung ưu tiên phát triển các TĐKT nhà nước ở những ngành nghề và lĩnh vực có điều kiện, có thế mạnh, có khả năng phát triển để cạnh tranh và hội nhập quốc tế có hiệu quả.

- Từng bước hạn chế và đi đến xóa bỏ tình trạng độc quyền của một số TĐKT nhà nước. Các TĐKT nhà nước độc quyền không chịu áp lực cạnh tranh nên chậm cải tiến và đổi mới công nghệ, không nâng cao trình độ quản lý, không phấn đấu giảm chi phí và giá thành, từ đó không thúc đẩy sự phát triển của các TĐKT, không đem lại lợi ích cho người tiêu dùng. Vì vậy, phát triển các TĐKT nhà nước phải theo hướng xóa bỏ độc quyền, nâng cao sức cạnh tranh bằng cải tiến công nghệ, giảm chi phí sản xuất, tăng chất

lượng phục vụ khách hàng thay vì tăng lợi nhuận thông qua cơ chế độc quyền.

- Cần tiến hành thực hiện việc đánh giá ban đầu về những kết quả hoạt động của các TĐKT nhà nước trong thời gian qua nhằm phát hiện những ưu, nhược điểm của mô hình kinh doanh mới này và đúc rút được những bài học kinh nghiệm, cho hướng phát triển tiếp theo của các TĐKT nhà nước. Đồng thời, thực hiện nghiên cứu một cách toàn diện về các mô hình TĐKT tiêu biểu trên thế giới để có thể tìm ra được mô hình phát triển TĐKT phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của Việt Nam. Những TĐKT nhà nước hoạt động kém hiệu quả hoặc thua lỗ kéo dài mà nhà nước không cần thiết phải nắm giữ thì có thể cho phá sản hoặc giải thể, khoan nợ cho một số TĐKT nhà nước để củng cố lại nhằm tạo điều kiện phát triển. Kiên quyết sắp xếp lại các TĐKT nhà nước hoạt động không hiệu quả, thua lỗ kéo dài nhiều năm, không có khả năng phục hồi, đồng thời làm rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân trong việc để TĐKT nhà nước thua lỗ và xử lý theo quy định của pháp luật, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp phải đưa ra phương án xử lý đối với các TĐKT này.

Tóm lại, thực hiện tốt những giải pháp nêu trên, theo chúng tôi sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển của các TĐKT nhà nước, từng bước đưa TĐKT nhà nước trở thành những đầu tàu của nền kinh tế, không chỉ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế nhanh, bền vững, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà còn là công cụ và nguồn lực để nhà nước quản lý điều tiết nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế, đồng thời thực hiện có hiệu quả mục tiêu, chính sách xã hội và tăng cường sức mạnh của an ninh, quốc phòng.

